

Số: 15 /NQ-HĐKĐCLGD

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo Công nghệ kỹ thuật môi trường trình độ đại học
của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 02 năm 2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Công nghệ kỹ thuật môi trường trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 13 ngày 12 và 13 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Công nghệ kỹ thuật môi trường trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Công nghệ kỹ thuật môi trường trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Công nghệ kỹ thuật môi trường trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 46/50 tiêu chí (chiếm 92,00%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Công nghệ kỹ thuật môi trường trình độ đại học (chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Công nghệ kỹ thuật môi trường trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Công nghệ GTVT;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐKĐCLGD ngày 13 tháng 6 năm 2024
 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1	4	4,00	3	100
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1	4	4,00	3	100
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1	4	3,80	4	80,00
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6				
Tiêu chí 6.1	4	4,14	7	100
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	5			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 7.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 8.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 9.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 10.1	4	4,17	6	100
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	5			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 11.1	4	3,80	4	80,00
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	3			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,96	46	92,00

Phụ lục II

KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Kèm theo Nghị quyết số 45 /NQ-HĐKĐCLGD ngày 13 tháng 6 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Công nghệ kỹ thuật môi trường trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu CTĐT được xác định rõ ràng, được rà soát, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục trong Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định, gồm các chuẩn về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp; phù hợp với mục tiêu đào tạo, phản ánh được nhu cầu của các bên liên quan; được định kỳ rà soát, cập nhật 02 năm/lần; được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, thể hiện trong chương trình dạy học và tờ rơi tuyển sinh hằng năm.

2. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được rà soát, bổ sung, đầy đủ thông tin và cập nhật theo mẫu biểu và kế hoạch của Nhà trường; được phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra, có cấu trúc hợp lý, thể hiện sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học trong chương trình dạy học được xác định phù hợp, góp phần đạt được chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT.

4. Trường ban hành Triết lý giáo dục “Ứng dụng - Thực học - Thực nghiệp” vào năm 2021, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và được phổ biến tới đội ngũ cán bộ, viên chức và người học. Đề cương chi tiết học phần trong CTĐT đều xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra đề cập đến kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm; sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm, đã đề cập đến hoạt động tự học, tự nghiên cứu, hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Giảng viên Khoa Khoa học ứng dụng đã sử dụng đa dạng, phù hợp các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá để đạt chuẩn đầu ra.

5. Trường có đầy đủ hệ thống các văn bản liên quan đến hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả của người học, thể hiện rõ thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi, khiếu nại kết quả của người học; được phổ biến đến người học và công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường.

6. Trường đã ban hành đầy đủ hệ thống các văn bản quy định về công tác

quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên; các tiêu chí tuyển dụng/lựa chọn, đánh giá năng lực giảng viên được xác định cụ thể và phổ biến công khai. Các hoạt động đào tạo bồi dưỡng, phát triển chuyên môn được triển khai dựa trên kết quả khảo sát nhu cầu của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên; thực hiện quản trị đội ngũ giảng viên theo kết quả công việc, có giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. Đội ngũ giảng viên nhiệt tình, tâm huyết.

7. Nhà trường có chính sách thu hút, tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân viên. Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng, được phổ biến công khai bằng các hình thức khác nhau. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên hỗ trợ được thực hiện thường xuyên dựa trên nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị chức năng. Việc đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc được triển khai hàng tháng, làm cơ sở để đánh giá phân loại kết quả viên chức, người lao động và thi đua khen thưởng hàng năm.

8. Chính sách tuyển sinh của Trường được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được chỉnh sửa, bổ sung hàng năm. Phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được đánh giá và cập nhật hàng năm. Hệ thống quản lý giám sát theo dõi sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được thiết lập thông qua Phòng Đào tạo, Khoa, đội ngũ giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập và tổ chức Đoàn Thanh niên. Các hoạt động thi đua, các dịch vụ hỗ trợ người học được triển khai hàng năm. Nhà trường có cảnh quan môi trường sạch đẹp tạo môi trường tâm lý an toàn cho người học.

9. Trường có hệ thống cơ sở vật chất thiết yếu, được mở rộng, nâng cấp theo lộ trình phát triển với đầy đủ giảng đường, hội trường, phòng học và các phòng chuyên dụng để hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu. Hệ thống thư viện với lượng sách phong phú, có phần mềm tiện ích và có thể kết nối để nâng cao dịch vụ, trải nghiệm người dùng; hệ thống phòng học và trang thiết bị phù hợp với nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hệ thống công nghệ thông tin được cải tiến và thúc đẩy cho chuyển đổi số. Nhà trường đầu tư phát triển dịch vụ, tiện ích đảm bảo về sức khỏe, an ninh, an toàn để người học, giảng viên và viên chức có điều kiện thuận lợi cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu.

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập; có các đơn vị chức năng liên quan đến hoạt động thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học, có các quy định và công cụ thực hiện. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT, chương trình dạy học được rà soát, đánh giá và cải tiến phù hợp với xu thế phát triển CTĐT và quy định của pháp luật. Hoạt động dạy, học của giảng viên và đánh giá kết quả học tập của người học; chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá, được cải tiến đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện CTĐT có đề tài nghiên cứu khoa học, bài báo công bố kết quả nghiên cứu khoa học có nội dung được truyền tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người

học. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập có tính hệ thống với sự kết nối giữa các đơn vị trong hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong và bên ngoài Trường; được rà soát, đánh giá và cải tiến.

11. Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo theo năm học, theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học, cơ sở dữ liệu người học; sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để thống kê, theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của CTĐT. Trên cơ sở dữ liệu thống kê về tỷ lệ tốt nghiệp Nhà trường và Khoa phân tích, tìm hiểu nguyên nhân của các trường hợp chậm tốt nghiệp, từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng. Cơ sở dữ liệu về tình hình việc làm của sinh viên các CTĐT sau 01 năm tốt nghiệp được xây dựng, quản lý và được cập nhật. Nhà trường đã ban hành Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, trong đó có xác định nội dung và hình thức nghiên cứu khoa học của sinh viên. Nhà trường đã thực hiện các hoạt động khảo sát đối với giảng viên, sinh viên về chất lượng CTĐT, nghiên cứu khoa học, các dịch vụ hỗ trợ.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát cập nhật mục tiêu CTĐT, thể hiện định hướng đào tạo của ngành để phù hợp hơn với sứ mạng của Trường; rà soát lại chuẩn đầu ra của CTĐT, diễn đạt lại một số chuẩn đầu ra của CTĐT để định lượng/đo lường/đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra; cụ thể hóa chuẩn đầu ra về kỹ năng chuyên môn, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng dẫn dắt khởi nghiệp, tự tạo việc làm. Tổ chức hội thảo/thảo luận với các bên liên quan để tham khảo ý kiến phản hồi và góp ý khi xây dựng, điều chỉnh chuẩn đầu ra, CTĐT.

2. Rà soát lại Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần, quan tâm đến việc xác định chính xác hơn sự đóng góp của từng học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra. Xây dựng các rubric đánh giá điểm thành phần trong đề cương học phần; đa dạng hoá các hình thức truyền thông về bản mô tả CTĐT tới các bên liên quan, đặc biệt là sinh viên của Trường.

3. Xây dựng văn bản hướng dẫn sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá; tích hợp kiến thức các học phần, hạn chế học phần 02 tín chỉ, tăng tỷ lệ thực hành, thực tập để phù hợp hơn với triết lý giáo dục của Trường. Trong đề cương học phần cần xác định các nội dung tự học, thảo luận nhóm và quy định về đánh giá các hoạt động này; phân tích, lựa chọn và xác định các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đánh giá mức độ đạt được của chuẩn đầu ra học phần. Khi tham khảo và đối sánh CTĐT, cần đi sâu nghiên cứu, đối sánh các nội dung của từng học phần, sự gắn kết của các học phần, chuẩn đầu ra của từng học phần, đặc biệt cần tìm hiểu phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá của mỗi học phần để có cơ sở điều chỉnh và hoàn thiện các học phần

thuộc CTĐT; bổ sung, tăng số lượng các học phần tự chọn.

4. Truyền thông, phổ biến triết lý giáo dục trong sổ tay sinh viên, CTĐT, trong từng học phần; xây dựng văn bản hướng dẫn cụ thể nhằm truyền tải nội dung của triết lý giáo dục vào từng nội dung các học phần. Xây dựng kế hoạch/giải pháp cụ thể để cải thiện chất lượng sau mỗi đợt khảo sát và giám sát kế hoạch triển khai thực hiện; rà soát nội dung phiếu khảo sát về học phần, đánh giá 05 mức theo thang đo Likert, phân tích chi tiết các câu hỏi cho từng học phần; đối sánh qua các năm và đưa ra các kiến nghị để cải tiến. Bổ sung quy định về kiểm tra đánh giá các nội dung tự học, tự đọc tài liệu ở nhà của sinh viên.

5. Rà soát lại quy định tại Điều 9, quy chế đào tạo theo tín chỉ; rà soát các quy định về đánh giá kết quả học tập sao cho đo lường mức độ đạt được các chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT. Rà soát, hoàn chỉnh văn bản quy định/hướng dẫn về công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo chuẩn đầu ra; xây dựng bộ công cụ và thực hiện đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Ban hành quy định/hướng dẫn chi tiết về quy trình đánh giá độ tin cậy của các phương pháp kiểm tra đánh giá người học đáp ứng chuẩn đầu ra; tổ chức đánh giá độ tin cậy và độ giá trị của đề thi, đánh giá hiệu quả, công bằng của các phương pháp kiểm tra đánh giá. Có giải pháp thích hợp để giảm thiểu tỷ lệ sinh viên không đạt đối với các học phần đại cương và cơ sở ngành; hoàn thiện, bổ sung ngân hàng câu hỏi thi/đề thi còn thiếu; xem xét đánh giá kết quả cải thiện việc học tập của sinh viên thông qua việc phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá. Trong quá trình triển khai khảo sát sinh viên về học phần, nghiên cứu đưa các nội dung khảo sát về mức độ người học tiếp cận, nắm bắt các quy định về phản hồi kết quả học tập.

6. Điều chỉnh chính sách để thu hút đội ngũ giảng viên có trình độ cao, tạo điều kiện cho các giảng viên phấn đấu đạt chuẩn giáo sư, phó giáo sư, đảm bảo đủ năng lực và đáp ứng quy mô đào tạo; bổ sung công cụ hỗ trợ công tác quản lý, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên thông qua phần mềm; tăng cường hoạt động đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giảng viên theo hướng chuyên sâu về phát triển CTĐT; có biện pháp hỗ trợ để phát huy năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên.

7. Cụ thể hóa kết quả phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên với từng vị trí việc làm trong Chiến lược phát triển Trường để xây dựng lộ trình, kế hoạch thực hiện chiến lược và kế hoạch tuyển dụng hàng năm. Tổ chức các khóa bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng chức năng theo yêu cầu đặc thù của từng vị trí việc làm; đánh giá hiệu quả kết quả đào tạo, bồi dưỡng để có kế hoạch đầu tư phù hợp. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ và hướng dẫn đánh giá năng lực nhân viên dựa theo bộ tiêu chí.

8. Thực hiện các khảo sát về nhu cầu nguồn nhân lực, phân tích, dự báo để xây dựng chỉ tiêu và chính sách tuyển sinh phù hợp hơn. Mở rộng phạm vi lấy ý kiến các bên liên quan bên ngoài về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo theo hướng kiểm soát và tự động đưa ra

cảnh báo đối với người học trong học tập và rèn luyện. Đoàn Thanh niên cần xây dựng kế hoạch hoạt động ngoại khóa và hoạt động các câu lạc bộ, phối hợp với Khoa triển khai các câu lạc bộ chuyên ngành để nâng cao kỹ năng xã hội và nghề nghiệp cho người học. Cần có phiếu khảo sát người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

9. Xây dựng, ban hành tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích chuyên dùng và định mức sử dụng thiết bị của đơn vị, công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường; có phương án và lộ trình triển khai kịp thời về đầu tư nâng cấp các công trình thể thao, khu ký túc xá và khu nhà điều hành, làm việc tại cơ sở Hà Nội. Ứng dụng đồng bộ các giải pháp công nghệ mới trong quản lý vận hành, quản lý khai thác và quản lý phát triển thư viện; chú trọng đầu tư liên kết thư viện số và cơ sở dữ liệu điện tử quốc tế. Tiếp tục cải tiến, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và các phần mềm quản lý đào tạo, dạy học trực tuyến, thư viện, phần mềm hỗ trợ quản trị các lĩnh vực hoạt động của Trường; tăng cường đồng bộ, liên thông các phần mềm; có lộ trình xúc tiến nhanh đề án chuyển đổi số để đạt được tầm nhìn trở thành đại học số, tiến tới xây dựng hệ sinh thái đại học thông minh. Tăng cường công tác vệ sinh môi trường, triển khai mô hình 5S để cải thiện môi trường làm việc trong toàn Trường; quan tâm hơn đến giáo dục sức khỏe tinh thần cho sinh viên; khắc phục các thiếu sót trong đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy; có biện pháp quản lý rủi ro để ngăn ngừa các sự cố gây mất an toàn trong Trường; cập nhật và thực hiện đầy đủ quy định về công tác y tế trường học theo Thông tư số 33/2021/TT-BYT của Bộ Y tế.

10. Rà soát, điều chỉnh quy định về khảo sát lấy ý kiến phản hồi và thu thập nhu cầu của các bên liên quan, bổ sung các tiêu chí khảo sát nhu cầu đào tạo, yêu cầu về năng lực các vị trí việc làm của nhà sử dụng lao động làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung CTĐT/chương trình dạy học; xây dựng kế hoạch rà soát, đánh giá quy trình thiết kế, phát triển CTĐT, chương trình dạy học/đề cương chi tiết các học phần đồng bộ với hoạt động rà soát, đánh giá và phát triển CTĐT/chương trình dạy học. Văn bản hóa kết quả rà soát, đánh giá quy trình thiết kế, phát triển CTĐT, chương trình dạy học/đề cương chi tiết các học phần làm căn cứ cải tiến quy trình thiết kế, phát triển chương trình dạy học. Thường xuyên đánh giá sau khi kết thúc các học phần; đa dạng hóa các tiêu chí để đánh giá độ tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra và thể hiện kết quả đánh giá theo điểm và tỷ lệ hài lòng của sinh viên. Có chính sách khuyến khích giảng viên, người học kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu chuyên sâu về Công nghệ kỹ thuật môi trường và nghiên cứu phát triển CTĐT, chương trình dạy học; đổi mới phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập của người học cho chính CTĐT. Xác định rõ ràng vị trí, vai trò, chức năng của Hội đồng Đảm bảo chất lượng, được thể hiện trong cơ cấu tổ chức của Trường để tăng cường sự kết nối và trao đổi thông tin giữa các bên liên quan, nâng cao hiệu quả cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

11. Rà soát các giải pháp đã triển khai, đồng thời đề xuất các giải pháp mới nhằm hỗ trợ sinh viên hoàn thành CTĐT đúng thời gian quy định, từng bước cải thiện theo hướng tăng tỷ lệ tốt nghiệp trước thời hạn và đúng thời hạn quy định; khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về tính hiệu quả của các

giải pháp hỗ trợ rút ngắn thời gian tốt nghiệp và tốt nghiệp đúng hạn để có cơ sở tiếp tục điều chỉnh, đề xuất các giải pháp phù hợp. Lựa chọn các cơ sở giáo dục có cùng CTĐT để thực hiện đối sánh tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm theo từng CTĐT. Trên cơ sở dữ liệu của hoạt động đối sánh về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp CTĐT Công nghệ kỹ thuật môi trường có việc làm và thu nhập với CTĐT cùng ngành của các trường đại học trong nước, có kế hoạch sử dụng kết quả đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT và tăng cường tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Thực hiện đối sánh các loại hình, số lượng và kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên CTĐT Công nghệ kỹ thuật môi trường với CTĐT tương ứng của các cơ sở giáo dục khác trong nước để cải tiến chất lượng và số lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên. Hằng năm, trên cơ sở dữ liệu của hoạt động đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động nghiên cứu khoa học, dịch vụ hỗ trợ và cơ sở vật chất, cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng các lĩnh vực này, từng bước góp phần nâng cao chất lượng của CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Công nghệ kỹ thuật môi trường trình độ đại học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.